

BIÊN BẢN GIAO NHẬN THIẾT BỊ

Tp.HCM, ngày tháng năm 2024

BÊN GIAO:

1. TBYT Q7

Đại diện: Trần Trọng Tấn

2.

Đại diện:

BÊN NHẬN:

1. CDHA Q7

Đại diện: Nguyễn Văn Phúc

2.

Đại diện:

NỘI DUNG

Số HĐ: HD-24/00920

STT	HÀNG HÓA	ĐVT	Số Lượng
A	HỆ THỐNG BƠM TIÊM THUỐC ĐỐI QUAN TỬ MRI Model/Mã hiệu: SPECTRIS SOLARIS EP Hãng sản xuất: Bayer Medical Care Inc. Nước SX: Mỹ Năm SX: 2024 Seri Number: 312454 <i>(các phụ kiện hỗ trợ cho hệ thống theo hợp đồng số HD-24/00920)</i>	Hệ Thống	01
01	Cấu hình chung 1. Phần đầu bơm hai nòng và phụ kiện: 01 hệ thống 2. Bộ pin, ICBC: 01 bộ 3. Dây nguồn: 02 bộ 4. Tấm kim loại cố định panel ICBC: 01 bộ 5. Công tắc tay: 01 bộ 6. Sách hướng dẫn sử dụng – bảo dưỡng tiếng Anh: 01 bộ 7. Sách hướng dẫn sử dụng – bảo dưỡng tiếng Việt: 01 bộ 8. 05 bộ 2 ống tiêm 65ml/115ml 9. 05 bộ dây nối chữ T áp lực thấp, dài 150cm Thông số kỹ thuật 1. Yêu cầu về mục đích sử dụng: Bơm thuốc đối quang tử qua đường tĩnh mạch trong chụp cộng hưởng từ MRI	Hệ Thống	01

<p>2. Yêu cầu về cấu tạo, điều khiển, hiển thị:</p> <p>Kích thước vật lý</p> <p>Hệ thống bơm:</p> <p>Kích thước (Cao x Rộng x Sâu): 6.35cm x 36.32 cm x 17.02cm</p> <p>Bộ nguồn:</p> <p>Kích thước (Cao x Rộng x Sâu): 6.35cm x 36.32 cm x 17.02cm</p> <p>Màn hình điều khiển:</p> <p>Kích thước (Rộng x Cao x Sâu): 30.46 cm x 23.5 cm x 6.03 cm</p> <p>Trọng lượng: 6.8 kg</p> <p>Nguồn điện</p> <p>Điện nguồn: 100 – 240 VAC, 50/60 Hz</p> <p>Công suất: 350 VA</p> <p>Sử dụng nguồn pin:</p> <p>+ Dung lượng pin khi sạc đầy: khoảng 4-6 lần tiêm, hoặc 5 giờ ở trạng thái chờ</p> <p>+ Thời gian sạc: 5 giờ</p> <p>Đặc tính chung</p> <p>Khả năng đáp ứng trong môi trường cộng hưởng từ (MRI): Tối đa 3.0 Tesla</p> <p>Bơm tiêm loại 2 nòng (cho thuốc cản từ và nước muối)</p> <p>Thiết kế lắp ống vào phải xoay</p> <p>Đẩy piston lên vào ống bằng tay</p> <p>Nạp và môi bằng tay</p> <p>Đầu bơm được gắn trên xe đẩy có bánh xe di chuyển và khóa bánh xe</p> <p>Màn hình điều khiển cảm ứng</p> <p>3. Yêu cầu về các phương pháp, cơ chế hoạt động:</p> <p>Tốc độ bơm cài đặt:</p> <p>+ Từ 0.01 đến 10mL/ giây</p> <p>+ Bước tăng: 0.01mL/ giây trong khoảng 0.01 đến 3.1mL/ giây.</p> <p>+ Bước tăng: 0.1mL/ giây trong khoảng 3.1 đến 10mL/ giây</p> <p>Chức năng giữ Ven:</p> <p>+ Thể tích tiêm: 0.25ml/lần</p> <p>+ Thời gian chờ sau mỗi lần tiêm (cài đặt): 15 giây, 20 giây, 30 giây, 45 giây, 60 giây, 75 giây</p> <p>Thể tích ống tiêm cản từ: 65 ml</p> <p>Dài thể tích tiêm thuốc cản từ cài đặt:</p> <p>+ Thể tích nạp: 0.5 - 65 mL</p> <p>+ Bước tăng 0.1 mL trong khoảng 0.5 đến 31 mL</p> <p>+ Bước tăng 1 mL trong khoảng 31 mL đến 65 mL</p> <p>Thể tích ống tiêm nước muối: 115 ml</p>		
---	--	--

<p>Dải thể tích tiêm ống nước muối: 1 - 115 mL, bước tăng 1 mL</p> <p>Áp lực an toàn tối đa: 325 PSI</p> <p>Thiết lập giới hạn áp lực an toàn (PSI): 6 mức với 100, 150, 200, 250, 300, 325 PSI</p> <p>Thời gian trễ giữa các pha tiêm: 1 đến 900 giây, mức tăng cài đặt 1 giây</p> <p>Thời gian trễ tiêm hoặc trễ quét: 1 đến 300 giây, bước cài đặt 1 giây</p> <p>Thời gian tạm dừng tiêm: 1200 giây (20 phút)</p> <p>Bộ nhớ lưu trữ chương trình: 32 chương trình</p> <p>Tối đa 6 pha mỗi chương trình</p> <p>Lưu và hiển thị lại chương trình đã tiêm: Tối đa 20 chương trình tiêm như tốc độ, thể tích, áp lực tiêm</p> <p>Ống tiêm được thiết kế có ký hiệu nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nhận biết ống rỗng: ký hiệu nhận biết có hình dạng ovan + Nhận biết ống chứa đầy dung dịch: ký hiệu nhận biết có hình dạng tròn <p>4. Yêu cầu về các chức năng an toàn, cảnh báo an toàn</p> <p>Tiêu chuẩn an toàn điện: EN 60601-1</p> <p>Lớp an toàn: Lớp 1, loại BF</p> <p>Chuẩn kháng chống thấm nước: IPX1</p> <p>Hoạt động trong môi trường điện từ: Tương thích chuẩn an toàn IEC60601-1-2</p>		
--	--	--

ĐƠN VỊ GIAO


Trần Trọng Tấn

ĐƠN VỊ NHẬN


BS. CKTL. Nguyễn Văn Phú